

Thứ hai, ngày 2 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Vận động ổn định

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/11/2020		•	
Tuần 2/11-6/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau giai đoạn điều chỉnh mạnh vừa xong, thị trường đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại. Dòng tiền đầu tư quay trở lại thị trường với 16/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản suy giảm mạnh, biên độ thu hẹp và độ rộng thị trường tích cực cho thấy thị giá một số cổ phiếu đã trở về mức khá hấp dẫn và đang thu hút dòng tiền trở lại. Tuy nhiên, việc khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX vẫn đang kiểm chế lại đà tăng của thị trường. Với vận động như thế này, VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng 940 điểm trước khi tạo thành xu hướng mới trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 02/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.9%

Phân tích kỹ thuật: FIR_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +8.21 điểm, đóng cửa 933.68 điểm. HNX-Index +1.53 điểm, đóng cửa 136.87 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+2.96); CTG(+1.48); VJC(+0.57); GVR(+1.51); BID(+0.46).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-0.38); PLX(-0.24); VNM(-0.20); KDH(-0.10); VHM(-0.10).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,654 tỷ đồng, -23.6% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 9.54 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 304 mã tăng, 59 mã tham chiếu và 127 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -508.17 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MSN (-280.3 tỷ), HPG (-73.8 tỷ) và VRE(-35.1 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -1.31 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **933.68**
Giá trị: 4654.25 tỷ 8.21 (0.89%)
Khối ngoại (ròng): -508.17 tỷ

HNX-INDEX **136.87**
Giá trị: 592.05 tỷ 1.53 (1.13%)
Khối ngoại (ròng): -1.31 tỷ

UPCOM-INDEX **63.08**
Giá trị: 0.37 tỷ 0.23 (0.37%)
Khối ngoại (ròng): -3.13 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	34.1	-4.64%
Giá vàng	1,882	0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,178	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,005	-0.30%
Tỷ giá JPY/VND	22,094	-0.22%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	31.73%
LS TPCP 5 năm	1.3%	-2.22%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	17.8	MSN	-280.3
GVR	11.3	HPG	-73.8
DPM	10.5	VRE	-35.1
IMP	9.6	GAS	-23.9
HSG	4.9	VIC	-22.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Xây dựng	1.9%	1.9%	1.9%	-0.3%	22.2%	13.0%	30.1%
Ngân Hàng	1.7%	1.7%	1.7%	5.7%	27.7%	16.7%	33.0%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.7%	1.7%	1.7%	0.2%	20.6%	21.5%	28.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.6%	1.6%	1.6%	4.7%	23.2%	15.7%	30.3%
VN FinSelect	1.5%	1.5%	1.5%	1.4%	14.8%	2.4%	29.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.5%	1.5%	1.5%	1.2%	15.2%	2.5%	31.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.3%	1.3%	1.3%	5.3%	21.7%	-2.3%	31.7%
VN Diamond	1.1%	1.1%	1.1%	2.8%	18.4%	-2.6%	30.8%
Corona Avengers	1.1%	1.1%	1.1%	-1.0%	15.6%	11.4%	33.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.0%	1.0%	1.0%	-0.2%	18.8%	21.4%	21.2%
Hàng tiêu dùng	0.9%	0.9%	0.9%	7.4%	27.0%	16.6%	28.8%
Cổ phiếu ngành Dược	0.9%	0.9%	0.9%	1.7%	16.2%	6.4%	21.1%
Đầu tư công	0.8%	0.8%	0.8%	-0.7%	24.0%	17.0%	25.2%
EVFTA	0.8%	0.8%	0.8%	-1.3%	-0.3%	-0.3%	17.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.7%	0.7%	0.7%	3.3%	19.2%	4.5%	27.5%
Stay-at-home	0.7%	0.7%	0.7%	-1.2%	19.5%	25.0%	32.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.7%	0.7%	0.7%	3.6%	22.0%	3.2%	29.5%
Chiến tranh thương mại	0.6%	0.6%	0.6%	1.8%	25.2%	8.3%	30.3%
Lãi suất giảm	0.5%	0.5%	0.5%	-1.4%	21.5%	17.8%	31.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	0.5%	0.5%	6.4%	24.3%	10.4%	27.0%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	0.4%	0.4%	3.4%	24.0%	21.1%	28.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.4%	0.4%	6.4%	16.3%	0.6%	24.8%
FTSE Việt Nam	0.3%	0.3%	0.3%	4.6%	14.2%	2.0%	25.0%
Dầu khí	0.2%	0.2%	0.2%	-5.7%	6.0%	-18.9%	38.2%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-0.1%	-0.1%	-3.6%	11.8%	0.6%	25.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.6%	-0.6%	-0.6%	-1.9%	13.0%	0.0%	24.6%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	1.8%	1.8%	1.8%	6.4%	24.1%	0.6%	33.4%
M31	1.4%	1.4%	1.4%	4.1%	23.5%	7.3%	30.3%
L32	1.3%	1.3%	1.3%	9.7%	25.8%	1.5%	30.6%
M12	1.0%	1.0%	1.0%	4.0%	16.5%	3.8%	25.4%
M22	0.9%	0.9%	0.9%	2.6%	16.7%	10.6%	25.7%
L22	0.7%	0.7%	0.7%	1.2%	20.9%	2.6%	27.6%
S21	0.4%	0.4%	0.4%	1.7%	23.1%	6.4%	27.5%
S11	0.3%	0.3%	0.3%	3.9%	22.1%	21.2%	25.5%
L11	0.2%	0.2%	0.2%	1.3%	16.9%	3.8%	24.3%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.8%	0.8%	0.8%	4.8%	21.2%	5.2%	28.4%
LOW1	0.6%	0.6%	0.6%	1.5%	13.2%	1.5%	25.4%
MID1	0.2%	0.2%	0.2%	2.3%	22.8%	18.5%	25.3%

INDEX							
VNINDEX	0.9%	0.9%	0.9%	3.1%	13.2%	-2.8%	24.2%
VN30INDEX	0.8%	0.8%	0.8%	4.7%	16.7%	2.3%	25.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	10	16	10	16	10	16
Mục tiêu	9	5	4	5	4	5	4
Rủi ro	3	0	3	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 02/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	34.28	-4.22%	-11.10%	-12.10%	-35.60%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	36.56	-3.64%	-10.40%	-11.80%	-36.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	98.77	-4.31%	-10.00%	-13.00%	-34.01%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1882.43	0.19%	-1.00%	-1.20%	27.93%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.82	0.67%	-1.90%	0.10%	39.85%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1046.50	-0.92%	-3.40%	1.90%	7.28%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	594.00	-0.75%	-4.20%	4.20%	8.30%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.78	-0.50%	4.50%	24.20%	37.54%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	219.70	-8.10%	#DIV/0!			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.36	-0.28%	-2.40%	6.30%	6.06%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	104.40	-0.19%	-1.10%	-5.90%	-8.26%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6718.50	-0.16%	-2.20%	0.70%	14.85%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	553.85	0.53%	2.90%	6.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	578.20	0.37%	2.40%	7.70%			
Nhôm	USD/ton	1848.50	2.52%	0.30%	4.70%	3.50%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	119.05	1.36%	4.20%	6.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	60.05	0.59%	0.80%	-4.50%	-19.93%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 1.34 USD (3.5%) xuống 36.60 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng giảm 1.41 USD (3.9%) xuống 34.38 USD/thùng. Dầu giảm bởi lo ngại về cung dầu trong bối cảnh các quốc gia Châu Âu phải áp dụng biện pháp giãn cách phòng chống làn sóng dịch bệnh tăng cao. Cùng với đó, các nhà đầu tư tỏ ra thận trọng trước cuộc bầu cử tại Mỹ sẽ diễn ra hôm 3/11.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.19% lên 1,882.43 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 0.22% lên 1,884.00 USD/ounce.

	2/11	% 2/11	30/10	% 30/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	933.68	0.89%	925.47	0.70%	-1.80%	2.14%
S&P 500			3269.96	-1.21%	-5.64%	-2.77%
HĐTL S&P500	3271.25	0.20%	3264.75	-1.14%	-3.60%	-2.87%
Shang- hai	3225.12	0.02%	3224.53	-1.47%	-0.80%	-1.66%
Euro Stoxx	2958.21	-0.06%	2960.03	-0.12%	-7.52%	-7.37%

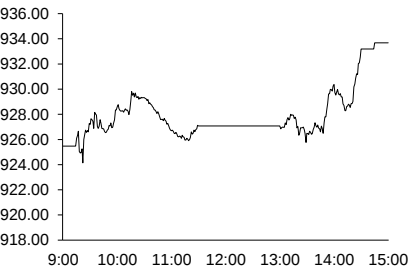
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-1.15%
Dầu khí	-1.04%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.62%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.19%
Bất động sản	0.22%
Công nghệ Thông tin	0.49%
Xây dựng và Vật liệu	0.56%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.69%
Truyền thông	0.74%
Bảo hiểm	0.74%
Tài nguyên Cơ bản	0.98%
Y tế	1.17%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.41%
Bán lẻ	1.49%
Du lịch và Giải trí	1.65%
Dịch vụ tài chính	1.83%
Ngân hàng	2.20%
Hóa chất	2.99%

Hình 1

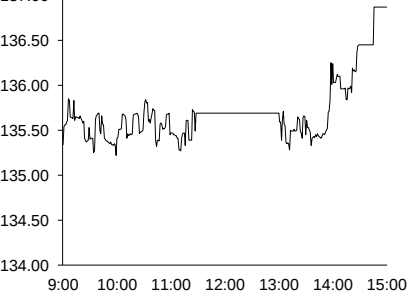
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

FIR_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: FIR vẫn đang ở trong xu hướng tăng giá từ đầu tháng 8 đến nay với xuất phát điểm từ vùng hỗ trợ xung quanh 22. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây duy trì giá trị ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể tiếp tục đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của FIR nằm tại xung quanh giá 24. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 27, cắt lỗ nếu ngưỡng 23.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

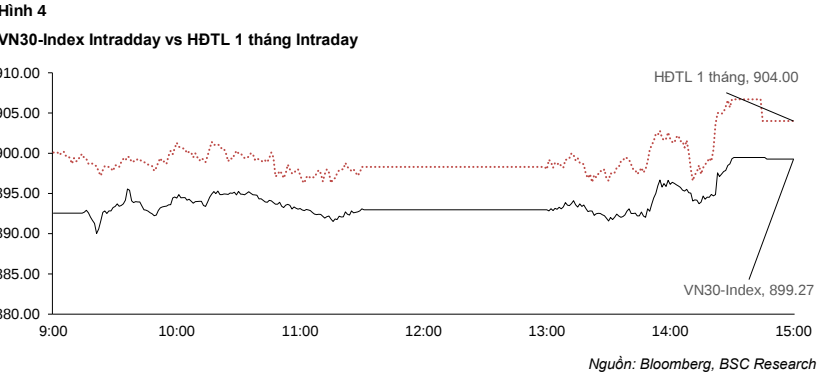
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	106.4	3	1.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/29/2020	IMP	49	58	46	49.55	4	1.12%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	42.2	48	38	40.6	5	-3.79%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.4	6	0.41%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24	11	-2.44%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	47.1	12	2.39%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	24.3	13	-2.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	51.7	17	-2.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	62.6	18	1.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	14.7	32	-3.92%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.6	34	-1.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	10.7	38	-5.73%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	10.75	41	-6.11%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.1	42	1.81%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	52	46	-2.44%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	26.5	49	0.04%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	22.8	52	-5.39%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.05	53	-3.15%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.1	55	1.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	23.3	67	-8.27%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	42.6	84	-4.05%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	37.75	131	23.00%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	75.9	139	1.34%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	SL	14	-4.17%
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	SL	23	-4.18%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	SL	18	-3.18%
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	SL	30	-5.41%
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	SL	36	-6.29%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	13	3.41%	-4.04%	-0.80%	41
Cổ phiếu đã chốt	46	35	12.28%	-7.57%	3.70%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	904.00	0.83%	4.73	-37.8%	134,228	11/19/2020	19
VN30F2012	903.30	1.32%	4.03	-48.7%	408	12/17/2020	47
VN30F2103	903.00	1.69%	3.73	-6.1%	77	3/18/2021	138
VN30F2106	892.00	0.45%	-7.27	-73.1%	42	6/17/2021	229

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +6.72 điểm, lên 899.27 điểm. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 890-895 điểm, trước khi tăng mạnh cuối phiên chiều lên gần 900 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 900 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2008	2/8/2021	98	5:1	194,820	40.49%	3,030	4,540	17.31%	4,465	1.02	65,150	50,000	71,500
CPNJ2006	1/14/2021	73	10:1	428,220	40.49%	1,000	1,490	14.62%	1,384	1.08	69,000	59,000	71,500
CVIC2005	6/11/2021	221	20:1	371,420	36.32%	1,500	1,930	10.92%	1,320	1.46	121,868	106,868	106,500
CMWG2010	1/14/2021	73	10:1	569,230	42.17%	1,400	2,800	10.24%	2,577	1.09	94,672	80,865	106,400
CHPG2019	12/18/2020	46	2:1	294,780	37.58%	1,630	3,500	7.69%	3,345	1.05	27,360	24,100	30,600
CVHM2008	6/11/2021	221	10:1	503,990	38.29%	1,400	860	7.50%	526	1.64	102,888	88,888	75,900
CVNM2004	11/30/2020	28	1:1	35,050	32.21%	17,500	16,790	4.48%	846	19.84	113,048	95,548	107,600
CVNM2009	11/20/2020	18	1:1	202,450	32.21%	1,810	2,700	3.85%	482	5.60	102,436	87,780	107,600
CHPG2018	5/14/2021	193	4:1	499,210	37.58%	1,200	1,390	2.21%	992	1.40	34,799	29,999	30,600
CVHM2007	2/8/2021	98	5:1	360,820	38.29%	2,900	1,620	1.25%	1,379	1.17	89,500	75,000	75,900
CTCB2009	3/30/2021	148	1:1	220,510	38.84%	4,400	2,510	1.21%	2,026	1.24	#N/A	22,000	21,400
CHPG2010	4/5/2021	154	5:1	550,950	37.58%	1,800	2,000	1.01%	557	3.59	40,300	33,100	30,600
CHPG2008	11/30/2020	28	1:1	258,550	37.58%	4,100	9,660	0.73%	3,014	3.21	32,100	28,000	30,600
CVNM2011	6/11/2021	221	16.4:1	831,190	32.21%	1,100	1,050	0.00%	196	5.35	127,438	109,387	107,600
CTCB2007	1/14/2021	73	2:1	292,710	38.84%	1,700	1,700	-0.58%	1,179	1.44	23,400	20,000	21,400
CHPG2016	1/14/2021	73	2:1	173,410	37.58%	2,200	5,250	-1.87%	2,031	2.59	31,900	27,500	30,600
CHPG2022	5/4/2021	183	2:1	171,350	37.58%	2,100	3,200	-2.14%	2,795	1.15	31,200	27,000	30,600
CHPG2023	1/12/2021	71	10:1	120,690	37.58%	2,100	3,530	-2.22%	3,347	1.05	30,600	28,500	30,600
CTCB2010	4/1/2021	150	2:1	927,160	38.84%	2,000	1,450	-2.68%	1,133	1.28	25,500	21,500	21,400
CHPG2017	2/18/2021	108	4:1	398,240	37.58%	1,000	1,160	-4.92%	902	1.29	32,888	28,888	30,600
Tổng				7,404,750	37.49%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 02/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CDPM2002 và CFPT2014 tăng mạnh lần lượt là 30.91% và 28.50%. Trái lại, CVNM2014 và CHDB2003 giảm mạnh lần lượt là -53.81% và -16.28%. Giá trị giao dịch giảm -30.25%. CHPG2008 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.74% thị trường.
- CMSN2012, CMSN2006, CVPB2013, CMSN2008, và CVPB2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2008, CMSN2011, và CMSN2010 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	106.4	1.6%	1.2	2,094	2.0	8,517	12.5	3.2	49.0%	29.0%	
PNJ	Bán lẻ	71.5	2.9%	1.2	700	4.8	4,592	15.6	3.3	49.0%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	51.0	1.0%	1.5	1,646	0.9	1,731	29.5	1.9	28.4%	7.1%	
PVI	Bảo hiểm	29.4	0.0%	0.3	286	0.0	2,729	10.8	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	106.5	0.0%	0.8	15,662	3.2	2,660	40.0	4.2	13.8%	11.0%	
VRE	Bất động sản	25.5	0.8%	1.1	2,519	3.3	1,001	25.5	2.0	30.3%	8.1%	
VHM	Bất động sản	75.9	-0.1%	1.2	10,855	3.8	6,895	11.0	3.3	21.9%	35.4%	
DXG	Bất động sản	11.8	2.2%	1.4	265	1.1	(151)	N/A	N/A	0.9	35.8%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.2	0.3%	1.3	448	1.2	1,834	9.4	1.1	49.9%	11.5%	
VCI	Chứng khoán	38.5	4.3%	1.0	277	1.4	3,770	10.2	1.6	27.0%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	21.2	2.4%	1.6	281	0.8	1,705	12.4	1.5	48.7%	11.8%	
FPT	Công nghệ	51.7	0.4%	0.8	1,762	1.9	4,236	12.2	2.7	49.0%	23.1%	
FOX	Công nghệ	49.8	-2.4%	0.4	592	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	69.7	-1.0%	1.4	5,800	2.8	4,752	14.7	2.9	3.1%	19.7%	
PLX	Dầu khí	48.4	-1.3%	1.5	2,562	0.3	682	70.9	2.9	16.0%	4.3%	
PVS	Dầu khí	13.2	1.5%	1.5	274	0.8	1,339	9.9	0.5	10.0%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.8	1.5%	0.8	917	0.3	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	103.9	1.9%	0.5	591	0.0	5,405	19.2	4.1	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	17.2	5.5%	0.4	292	2.3	2,011	8.5	0.8	11.9%	10.4%	
DCM	Hóa chất	12.7	6.7%	0.5	292	2.5	872	14.6	1.0	3.7%	7.4%	
VCB	Ngân hàng	85.8	3.4%	1.1	13,836	1.3	4,630	18.5	3.4	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	38.9	1.0%	1.3	6,802	1.8	2,126	18.3	2.0	17.4%	12.5%	
CTG	Ngân hàng	30.4	4.8%	1.2	4,921	6.7	2,948	10.3	1.4	29.4%	14.0%	
VPB	Ngân hàng	23.8	0.8%	1.2	2,523	2.5	4,111	5.8	1.2	23.2%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	18.0	1.1%	1.1	2,170	2.9	2,995	6.0	1.1	23.0%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	24.5	1.7%	0.9	2,303	4.0	3,109	7.9	1.6	30.0%	23.0%	
BMP	Nhựa	54.3	0.0%	0.8	193	0.4	6,186	8.8	1.9	81.0%	20.7%	
NTP	Nhựa	35.0	1.2%	0.4	179	0.1	3,820	9.2	1.5	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	15.6	-1.3%	0.4	671	0.1	356	43.8	1.2	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	30.6	0.2%	1.2	4,408	13.8	3,241	9.4	1.9	34.2%	21.3%	
HSG	Thép	16.0	6.3%	1.5	308	10.6	2,591	6.2	1.1	9.5%	19.1%	
VNM	Tiêu dùng	107.6	-0.4%	0.8	9,776	4.1	4,615	23.3	7.5	49.7%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	185.5	0.7%	0.8	5,172	0.7	6,312	29.4	6.0	63.1%	22.6%	
MSN	Tiêu dùng	84.5	0.6%	1.0	4,316	14.1	2,067	40.9	4.8	35.9%	8.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.7	0.0%	0.9	375	1.6	702	20.9	1.2	5.4%	5.5%	
ACV	Vận tải	62.6	1.6%	0.8	5,925	0.2	3,450	18.1	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	104.9	3.7%	1.1	2,389	2.3	3,480	30.1	3.7	17.5%	12.3%	
HVN	Vận tải	24.7	-0.6%	1.7	1,523	0.1	(3,871)	N/A	N/A	3.1	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.1	-1.7%	0.9	298	0.3	1,179	19.6	1.2	49.0%	5.8%	
PVT	Vận tải	13.4	1.9%	1.2	164	0.5	1,966	6.8	0.8	17.6%	12.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	71.8	-0.7%	1.1	484	0.3	8,104	8.9	3.4	2.8%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	-0.2%	0.7	448	0.0	1,411	16.3	1.6	7.7%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	0.7%	0.9	252	0.2	1,762	8.6	1.0	5.9%	11.9%	
CTD	Xây dựng	56.5	0.2%	1.0	187	1.6	7,504	7.5	0.5	46.6%	6.9%	
CII	Xây dựng	16.4	-0.6%	0.3	170	1.0	114	143.3	0.8	32.3%	7.6%	
REE	Điện	41.6	-0.8%	-1.4	560	0.7	4,599	9.0	1.2	49.0%	13.7%	
PC1	Điện	22.2	2.1%	-0.4	153	0.3	2,689	8.2	0.9	14.3%	9.9%	
POW	Điện	9.5	1.1%	0.6	967	1.1	679	14.0	0.8	9.8%	5.8%	
NT2	Điện	22.5	-0.9%	0.6	282	0.0	2,103	10.7	1.6	19.3%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	14.1	1.8%	0.8	288	1.9	879	16.0	0.7	18.3%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	39.9	1%	1.0	1,796	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.7	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	85.80	3.37	2.96	366300
CTG	30.40	4.83	1.48	5.19MLN
VJC	104.90	3.66	0.57	507940.00
GVR	14.60	3.18	0.51	5.15MLN
BID	38.90	1.04	0.46	1.08MLN

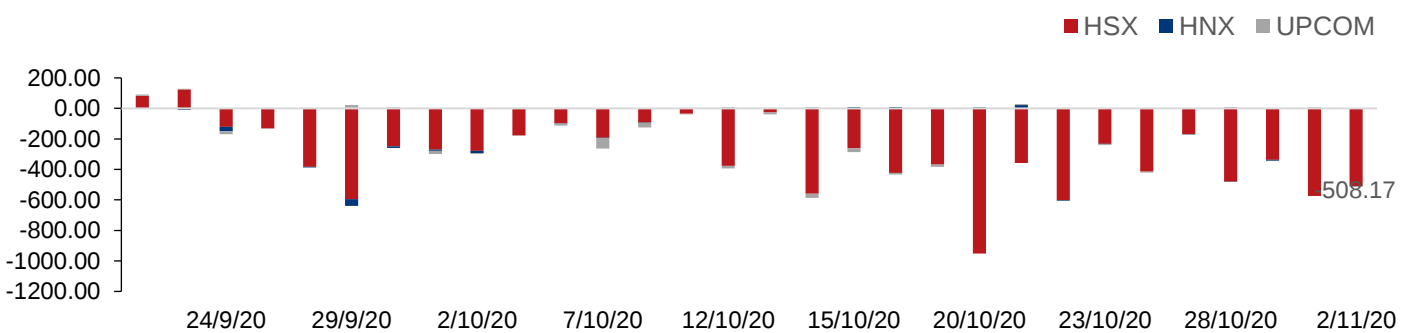
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.38	926540	1.11MLN
PLX	0.00	-0.24	122440	607060
VNM	0.00	-0.20	867340.00	373600
KDH	0.00	-0.10	397380.00	192700
VHM	0.00	-0.10	1.16MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTN	29.15	6.97	0.02	417550.00
FLC	4.47	6.94	0.06	32.81MLN
VAF	9.25	6.94	0.01	10
HU1	7.59	6.90	0.00	15040
TIX	31.00	6.90	0.02	110

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	35.40	-6.72	-0.01	30
TNT	1.95	-6.70	0.00	1.61MLN
LM8	10.85	-6.47	0.00	30.00
TS4	3.23	-6.38	0.00	310
HTL	14.50	-6.15	0.00	2090

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	106.4	8,517	12.5	3.2	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.8	885	9.9	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.5	5,130	8.1	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.4	2,066	11.8	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	30.6	3,241	9.4	1.9	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.1	2,627	10.3	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.8	4,111	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.5	13,673	3.0	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	84.5	2,067	40.9	4.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	41.2	5,316	7.7	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	16.0	2,591	6.2	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	42.6	5,479	7.8	2.1	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	23.2	1,816	12.7	1.9	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	30.6	3,241	9.4	1.9	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.4	3,258	6.6	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	71.5	4,592	15.6	3.3	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.0	4,105	26.1	9.2	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.8	-151	#N/A N/A	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.1	1,928	10.9	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	22.8	7,583	3.0	1.2	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.8	4,752	5.8	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	54.2	5,241	10.3	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	85.8	4,630	18.5	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	24.5	3,109	7.9	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.5	5,130	8.1	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	56.3	3,674	15.3	2.4	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	51.7	4,236	12.2	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.1	1,179	19.6	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.1	879	16.0	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	185.5	6,312	29.4	6.0	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.4	2,066	11.8	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.6	4,615	23.3	7.5	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.0	1,340	8.2	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	106.4	8,517	12.5	3.2	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	18.7	1,918	9.8	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.9	5,405	19.2	4.1	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.4	1,966	6.8	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	71.5	4,592	15.6	3.3	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	31.6	4,313	7.3	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	239.9	14,782	16.2	6.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639